TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
  Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Minh Thể
  Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Tám
  - Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 525/2022/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bích T, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Đường H, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: Đường M, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Anh Chế Chấn G, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Đường H, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn lập ngày 23-4-2022 và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Bích T trình bày: Chị và anh Chế Chấn G xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường R, thành phố V, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai mai mối, ép buộc. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nên sinh được 01 người con chung, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống trái ngược nhau, không tôn trọng và tin tưởng nhau, anh G hay đi uống rượu, về nhà kiếm chuyện đánh đập vợ con, nhiều đêm không về nhà, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, có lần anh G còn đánh chị bị bong gân ngón áp út tay trái, phải ra trình báo với Công an. Anh G đi làm về không đưa tiền cho chị để chị nuôi con. Anh chị đã ly thân gần 01 năm nay, không còn ai quan tâm đến nhau, đã nhiều lần anh G hứa sẽ thay đổi và chị đã tạo cho anh G nhiều cơ hội nhưng anh G vẫn không thay đổi, nay anh G cũng hứa hẹn nhưng chị

không còn niềm tin, tình cảm với anh G. Nay tại Tòa chị xác định mâu thuẫn anh chị trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị tha thiết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chế Chấn G.

Con chung: Có 01 cháu là Chế Long H, sinh ngày 24-10-2007, từ khi anh chị ly thân đến nay, con chung ở với chị nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), yêu cầu anh Chế Chấn G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai lập ngày 08 tháng 6 năm 2022, các Biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh Chế Chấn G trình bày: Anh và chị T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường R, thành phố Vũng Tàu, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai mai mối, ép buộc. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do khi đi làm về anh có đi uống cà phê và đi uống rượu với bạn, chị T không đồng ý nên có cãi nhau và dẫn đến xô xát. Anh nghĩ mâu thuẫn của vợ chồng anh chưa đến mức phải ly hôn, anh vẫn còn tình cảm với chị T, hiện anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2021, chị T và con chuyển ra phòng trọ ở, trong thời gian qua anh đi làm cũng không đưa tiền cho chị T nuôi con, anh chị cũng không gặp nhau để bàn bạc chuyện tình cảm vợ chồng. Qua yêu cầu ly hôn của chị T, anh không đồng ý ly hôn vì anh còn tình cảm với chị T.

Về con chung: Có 01 cháu là Chế Long H, sinh ngày 24-10-2007, từ khi anh chị ly thân đến nay, con chung ở với chị T, trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến nay không có gì sai phạm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Bích T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Chế Chấn G có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đường H, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nay chị Nguyễn Bích T có đơn khởi kiện về việc ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Bích T và anh Chế Chấn G xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường R, thành phố V nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nên sinh được một người con, sau đó thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống trái ngược nhau, không tôn trọng và tin tưởng nhau, không có sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc trong gia đình nên ông bà thường xuyên cãi vã và xô xát. Cuối năm 2021 anh chị đã tự nguyên ly thân, chị cùng con chuyển ra phòng trọ sinh sống, anh không đưa tiền cho chị nuôi con và anh chị cũng không gặp nhau để trao đổi, hàn gắn chuyện tình cảm vợ chồng. Chị T xác định chị không còn niềm tin, tình cảm, tình yêu thương gì đối với anh G nên anh chị đã ly thân từ cuối năm 2021. Tại phiên tòa hôm nay anh G xác định vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy tình cảm, tình yêu thương vợ chồng phải được tạo dựng từ hai phía, tại phiên tòa hôm nay anh G xác định vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh anh G còn yêu thương chị T để anh chị còn có khả năng hàn gắn hạnh phúc gia đình. Theo Biên bản xác minh ngày 13-7-2022, tại tổ 7, khu phố 4, phường R, thành phố V xác nhận, quá trình chung sống vợ chồng chị T anh G xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã và xô xát nên chị T và con đã chuyển đi không còn sống chung với anh Chế Chấn G từ tháng 11 năm 2021. Từ những cơ sở trên đã chứng minh tình cảm giữa chị T và anh G đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh G. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Bích T, chị Nguyễn Bích T được ly hôn với anh Chế Chấn G.

[3] Về con chung: Có 01 (một) con chung là cháu Chế Long H, sinh ngày 24-10-2007, xét yêu cầu của chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và cháu H có nguyện vọng được trực tiếp sống với chị T, anh Chế Chấn G cũng đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Áp dụng Điều 58, khoản 2 Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự: Chị Nguyễn Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chế Long H, sinh ngày 24-10-2007 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), anh Chế Chấn G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện kể từ khi án có hiệu lực đến khi con chung trưởng thành (18 tuổi).

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Bích T phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Bích T. Chị Nguyễn Bích T được ly hôn với anh Chế Chấn G.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự: Chị Nguyễn Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chế Long H, sinh ngày 24-10-2007 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), anh Chế Chấn G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện kể từ khi án có hiệu lực đến khi con chung trưởng thành (18 tuổi). Anh Chế Chấn G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Chị Nguyễn Bích T nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002489 ngày 24/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành tiền án phí. Anh Chế Chấn G nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS T.P Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA